

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 08/7/2020.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vụ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H; sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã H, TP. C, tỉnh Hải Dương; hiện đang lao động tại Nhật Bản (địa chỉ: Aichiken - Toyotashi Takanachou - 2 Chou Nle 53 Banchi - 13 Purasupa - Nhật Bản)- Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Q; sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã H, TP. C, tỉnh Hải Dương; hiện đang lao động tại Đài Loan (không rõ địa chỉ)- Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H về việc giao tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Vũ Thanh H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã H, TP. C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Trần Văn T; sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn V, xã H, TP. C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.2. Bà Hoàng Thị L; sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P, xã H, TP. C, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau ngày 22/4/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, TP. C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng anh chị kết hôn tự nguyện.

Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống tại nhà của bố mẹ anh Q được 4 tháng thì ra ở riêng, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm thì anh Q đi lao động tại Đài Loan, chị ở nhà sinh con. Năm 2013, chị giao con cho mẹ đẻ nuôi giúp và sang Đài Loan lao động. Hai người lao động ở hai tỉnh khác nhau, cách nhau khoảng 100km nhưng thỉnh thoảng có gặp nhau. Đến cuối năm 2014 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị phát hiện anh Q có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác, anh Q đã thừa nhận dẫn đến hai vợ chồng cãi nhau. Sau đó anh Q đã xin lỗi chị và hứa sửa chữa đồng thời gọi điện về xin lỗi mẹ đẻ chị. Nhưng từ đó vợ chồng sống lạnh nhạt, ít quan tâm đến nhau. Năm 2016 chị và anh Q cùng xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên đã cùng nhau chia tài sản sau đó chị về nước, còn anh Q trốn ra ngoài lao động bất hợp pháp từ đó đến nay. Sau khi chị về nước, chị và anh Q thỉnh thoảng có điện thoại với nhau nhưng tình cảm đã mất mát nhiều. Đến năm 2017 chị đi lao động tại Nhật Bản đến cuối năm 2019 về nước. Trong thời gian này chị và anh Q có liên lạc với nhau nhưng tình cảm vợ chồng đã hết nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Q. Nay chị xác định chị và anh Q không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, cần ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Trần Thị Hải Y, sinh ngày 13/6/2010, hiện cháu đang ở với mẹ đẻ chị ở thôn P, xã H, TP. C. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Y cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn T (Bố đẻ anh Q) trình bày: Anh Q và chị H kết hôn với nhau ngày 22/4/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, TP. C. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với vợ chồng ông được 2 tháng thì ra ở riêng, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đầu năm 2011, anh Q đi lao động tại Đài Loan. Đến năm 2013 chị H cũng theo chồng sang Đài Loan làm ăn. Thời gian này vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Năm 2016 chị H về nước, còn anh Q bỏ trốn ra lao động bên ngoài. Thời gian này vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã nhau. Chị H làm thủ tục đi lao động tại Nhật Bản và tuyên bố với gia đình ông sẽ ly hôn anh Q. Anh Q cũng đã biết ý định xin ly hôn của chị H và anh chị không liên lạc với nhau nữa. Cũng từ đó chị H không quan tâm đến công việc gia đình nhà chồng. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh Q, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Q và chị H có 01 con chung là Trần Thị Hải Y, sinh ngày 13/6/2010, hiện nay cháu đang ở với mẹ đẻ chị H tại thôn P, xã H, TP. C. Cháu Y ở với bà ngoại từ năm 2013. Thời gian đầu chị H và anh Q gửi về mỗi tháng 2.000.000đ cho bà L để nuôi cháu Y. Từ khi chị H đi lao động tại Nhật Bản, anh Q vẫn gửi số tiền nêu trên cho bà L. Đến tháng 9/2019, anh Q không gửi nữa. Nếu anh chị ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cháu Y cho anh Q nuôi dưỡng, còn anh Q hiện nay ở Đài Loan thì vợ chồng ông sẽ trực tiếp nuôi dạy cháu Y. Về tài sản chung: Sau khi kết hôn anh Q và chị H ở tại nhà của vợ chồng ông, anh chị chưa tạo lập được tài sản, công sức gì. Trong thời gian anh chị lao động tại Đài Loan ông có nghe anh Q nói anh có gửi cho bà L tiền, còn cụ thể gửi bao nhiêu, vào thời gian nào thì ông không nắm được. Hiện anh Q đang cư trú bất hợp pháp tại Đài Loan (trốn ra ngoài làm ăn từ năm

2015), ông không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Q nhưng anh vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông. Ông đã thông báo cho anh Q biết việc TAND tỉnh Hải Dương đang thụ lý, giải quyết việc chị H xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con với anh. Anh Q có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của anh Q nhưng hiện anh Q cư trú bất hợp pháp nên không thể cung cấp địa chỉ được.

Bà Hoàng Thị L (mẹ đẻ chị H) trình bày: Sau khi chị H và anh Q kết hôn, anh chị chung sống tại nhà ông T và bà O tại thôn V, xã H, được khoảng 4 tháng thì anh chị ra ở riêng. Năm 2010, anh Q đi lao động tại Đài Loan. Đến năm 2013 chị H cũng sang Đài Loan lao động. Được hơn một năm anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q ngoại tình. Mâu thuẫn của anh chị không thể khắc phục được và kéo dài hơn một năm thì anh Q có gọi điện cho bà nói là do lỗi của anh cụ thể là anh Q ngoại tình và đã xin lỗi chị H nhưng chị H không tha thứ. Năm 2016, chị H về nước, còn anh Q trốn ra ngoài làm ăn. Sau đó anh chị có liên lạc với nhau và cãi nhau trên điện thoại. Sự việc mâu thuẫn của anh chị hai gia đình đều biết và đã động viên. Bản thân anh Q và chị H cũng đã cố gắng khắc phục để hàn gắn nhưng không được. Do vậy, nay chị H xin ly hôn anh Q, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Trần Thị Hải Y, sinh ngày 13/6/2010, hiện cháu đang ở với chị H cùng với bà. Cháu Y ở với bà từ lúc 02 tuổi đến nay, vẫn học tập tốt. Hiện chồng bà đã mất chỉ có một mình bà ở nhà. Bà có chỗ ở rộng rãi tại thôn P, xã H, TP. C. Chị H có đủ điều kiện để nuôi con. Nếu chị H và anh Q ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà sẽ có trách nhiệm giúp chị H nuôi con.

UBND xã H, TP.C cung cấp: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn Q có đăng ký hộ khẩu tại: Thôn V, xã H, TP. C. Hiện nay anh chị đều đang lao động tại nước ngoài. Anh chị kết hôn với nhau ngày 22/4/2009, có đăng ký tại UBND xã H, TP. C. Sau ngày cưới anh chị ở với bố mẹ anh Q một thời gian sau đó chuyển ra ở riêng trên đất của bố mẹ anh Q. Tình cảm vợ chồng anh chị thời gian đầu sống hạnh phúc. Năm 2011, anh Q đi lao động tại Đài Loan đến năm 2013 chị H cũng theo chồng sang Đài Loan lao động. Đến năm 2016 chị H về nước, còn anh Q vẫn đang lao động bên Đài Loan. Việc chị H xin ly hôn anh Q và vợ chồng anh chị mâu thuẫn thế nào địa phương không nắm được, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 01 con chung là Trần Thị Hải Y, sinh ngày 13/6/2010 hiện nay cháu đang ở với chị H và bà L, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết việc nuôi con.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an cung cấp: Anh Q đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp Hộ chiếu số B4519022 ngày 15/9/2010, có giá trị sử dụng đến ngày 15/9/2020; đã sử dụng để xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 24/11/2015 qua cửa khẩu quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên việc thu thập

tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu đương sự tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Do Tòa án vẫn tiếp tục xét xử nên Kiểm sát viên không phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Văn Q là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã hai lần yêu cầu ông Trần Văn T (là bố đẻ) cung cấp địa chỉ của anh Q nhưng không có kết quả, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Nguyên đơn chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, TP. C, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/4/2009. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến khoảng cuối năm 2014 anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H nghi ngờ anh Q thiếu chung thủy dẫn đến cãi nhau. Tình cảm vợ chồng của anh chị mất mát dần. Anh chị đã tự khắc phục, tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm và đã được gia đình hai bên động viên, khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Sau khi ly thân mặc dù anh chị vẫn liên lạc với nhau nhưng tình cảm lạnh nhạt đến nay anh chị không còn quan tâm để níu kéo hạnh phúc gia đình. Nay chị H xin ly hôn anh Q, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và kéo dài, đã khắc phục nhưng không được. Nay anh chị không còn biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Xét mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Văn Q.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là Trần Thị Hải Y, sinh ngày 13/6/2010, hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên cháu Y do chị H và bà L (mẹ đẻ chị H) nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Cháu Y hiện cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H. Mặt khác anh Q hiện đang cư trú bất hợp pháp ở nước ngoài. Xét chị H có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Trần Thị Hải Y, sinh ngày 13/6/2010 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000742 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, TP. C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết